

THĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50 /2016/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2016

BẢNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 9 ...
	Ngày: ... 04/11/16 ...

QUYẾT ĐỊNH

Về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn,
xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2005/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020,

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về tiêu chí, quy trình, thủ tục, hồ sơ xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các thôn, bản, làng, phum, sóc, xóm, ấp, tổ dân phố.... (sau đây gọi chung là thôn) thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

b) Các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều 2. Tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn

Thôn đặc biệt khó khăn là thôn có 1 trong 2 tiêu chí sau:

1. Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 65% trở lên (trong đó tỷ lệ hộ nghèo từ 35% trở lên) theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020.

2. Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% trở lên (các tỉnh khu vực Đông Nam Bộ và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long từ 30% trở lên) theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 và có 2 trong 3 yếu tố sau (đối với các thôn có số hộ dân tộc thiểu số từ 80% trở lên, cần có 1 trong 3 yếu tố):

a) Trục chính đường giao thông thôn hoặc liên thôn chưa được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới;

b) Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo chưa được kiên cố;

c) Chưa có Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 3. Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được xác định theo ba khu vực: Xã khu vực III là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; xã khu vực II là xã có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn nhưng đã tạm thời ổn định; xã khu vực I là các xã còn lại.

1. Tiêu chí xã khu vực III:

Xã khu vực III là xã có ít nhất 2 trong 3 tiêu chí sau:

a) Số thôn đặc biệt khó khăn còn từ 35% trở lên (tiêu chí bắt buộc);

b) Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 65% trở lên (trong đó tỷ lệ hộ nghèo từ 35% trở lên) theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020;

c) Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% trở lên (các tỉnh khu vực Đông Nam Bộ, khu vực đồng bằng sông Cửu Long từ 30% trở lên) theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 và có ít nhất 3 trong 6 điều kiện sau (đối với xã có số hộ dân tộc thiểu số từ 60% trở lên, cần có ít nhất 2 trong 6 điều kiện):

- Trục chính đường giao thông đến Ủy ban nhân dân xã hoặc đường liên xã chưa được nhựa hóa, bê tông hóa theo tiêu chí nông thôn mới;

- Trường mầm non, trường tiểu học hoặc trường trung học cơ sở chưa đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Chưa đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã theo quy định của Bộ Y tế;

- Chưa có Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Còn từ 20% số hộ trở lên chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh;

- Còn từ 40% số hộ trở lên chưa có nhà tiêu hợp vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế.

2. Tiêu chí xã khu vực II:

Xã khu vực II là xã có 1 trong 3 tiêu chí sau:

a) Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% trở lên (các tỉnh khu vực Đông Nam Bộ, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long từ 30% trở lên) theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 và có không đủ 3 trong 6 điều kiện (đối với xã có số hộ dân tộc thiểu số từ 60% trở lên, có không đủ 2 trong 6 điều kiện) quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 của Quyết định này;

b) Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 15% đến dưới 55% (các tỉnh khu vực Đông Nam Bộ, khu vực đồng bằng sông Cửu Long từ 15% đến dưới 30%) theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020;

c) Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 15% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 và có ít nhất một thôn đặc biệt khó khăn.

3. Tiêu chí xã khu vực I:

Là các xã còn lại thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi không phải xã khu vực III và xã khu vực II.

Điều 4. Quy trình thủ tục và thời gian xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi:

1. Quy trình thủ tục:

Quy trình xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, II, I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được thực hiện theo trình tự sau:

a) Cấp xã: Căn cứ tiêu chí quy định tại Điều 2, Điều 3 của Quyết định này và các điều kiện cụ thể của xã, Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các thôn tổ chức xác định thôn đặc biệt khó khăn; tổ chức xác định xã thuộc khu vực III, II, I; lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân huyện về kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

b) Cấp huyện: Sau khi nhận đủ hồ sơ của các xã, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổng hợp và lập báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của huyện;

c) Cấp tỉnh: Sau khi nhận đủ hồ sơ của các huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định (Cơ quan công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan thẩm định). Căn cứ kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh lập Báo cáo thẩm định và đề nghị Ủy ban Dân tộc tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

d) Cấp Trung ương: Sau khi nhận đủ hồ sơ về kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định, Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, kiểm tra và tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.